

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2022/DSPT

Ngày: 14/9/2022

V/v: Kiện đòi tài sản là quyền sử dụng
đất và công trình, tài sản trên đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tính; Bà Nguyễn Tuyết Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà
Thân Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử
phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2022/TLPT-DS ngày 11 tháng 7 năm 2022
về “Kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất và công trình, tài sản trên đất”. Do bản
án dân sự sơ thẩm số 18/2022/DSST ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân
dân huyện Gia Bình bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 104/2022/QĐ-PT ngày 25
tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1953(vắng mặt) và anh Nguyễn
Bá T, sinh năm 1977 (có mặt); Cùng địa chỉ: Thôn T, xã G, huyện Gia Bình, tỉnh
Bắc Ninh.

Người đại diện theo uỷ quyền của Bà Nh: Ông Cung Văn Thám, sinh năm
1955; Địa chỉ: Thôn Lập Á, xã Song Giang, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh (có
mặt)

- Bị đơn: Ông Lê Hữu Đ, sinh năm 1961; Địa chỉ: Thôn T, xã G, huyện Gia
Bình, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê Hữu H, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn T, xã G, huyện Gia Bình,
tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

2. Chị Lê Thị H, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện Lục Nam, tỉnh
Bắc Giang (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của Anh Lê Hữu H và Chị Lê Thị H: Ông Lê Hữu Đ, sinh năm 1961; Địa chỉ: Thôn T, xã G, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh (có mặt) - Là bố đẻ của anh Hà và chị Hạ.

3. UBND huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Đình M - Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện Gia Bình.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân Tr - Chức vụ: Phó phòng tài nguyên và môi trường huyện Gia Bình (vắng mặt).

4. Văn phòng công chứng T; Địa chỉ: Thôn S, thị trấn Gia Bình, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện hợp pháp của Văn phòng công chứng T: Ông Lê Đăng Phồn - Trưởng văn phòng (vắng mặt).

5. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1963. Nơi cư trú cuối cùng: Thôn T, xã G, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

6. UBND xã G, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Thế H - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã G (vắng mặt).

7. Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn T, xã G, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của Chị Nguyễn Thị Th: Ông Nguyễn Bá T, sinh năm 1948; Địa chỉ: Thôn T, xã G, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh (Văn bản ủy quyền lập ngày 16/5/2022 tại UBND xã G, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh) (có mặt).

8. Cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 03/5/2000; Cháu Nguyễn Bá T1, sinh ngày 08/7/2005; Cùng địa chỉ: Thôn T, xã G, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh (đều vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của cháu Nguyễn Bá T1: Anh Nguyễn Bá T và Chị Nguyễn Thị Th - là bố và mẹ đẻ cháu T1.

Người có kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Nh, anh Nguyễn Bá T, Chị Nguyễn Thị Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau: *Nguyên đơn là Bà Nguyễn Thị Nh trình bày:* Bố mẹ bà là ông Nguyễn Đình Ng (chết năm 1968) và bà Nguyễn Thị B(chết năm 2011) sinh được 04 người con là: Nguyễn Đình L, Nguyễn Thị Nh; Lê Hữu Đ và Nguyễn Thị N. Ông Đ ngay từ lúc nhỏ khoảng 1 tuổi đã được cho đi làm con nuôi của một gia đình ở thôn N, xã L, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh nên Ông Đ đã được đổi họ theo họ của bố mẹ nuôi là Lê Hữu Đ; Ông L là liệt sỹ hy sinh năm 1972, Ông L chưa có vợ, con; Bà Nh đã bỏ nhà đi khỏi địa phương từ lâu, nơi cư trú chính xác cuối cùng mà bà biết được

của Bà Nh là ở thôn T, xã G, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh. Ngoài ra bố mẹ bà không ai có con riêng, không có con nuôi hợp pháp nào khác.

Năm 1968 bố bà mất, mẹ bà là cụ B không đi lấy chồng khác mà ở vậy nuôi con, quá trình sinh sống cụ B đã tạo lập được tài sản là thửa đất không số tờ bản đồ số 03, diện tích 756m², tại thôn T. Năm 2000 thửa đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R503434 mang tên hộ bà Nguyễn Thị B.

Khi bà đi lấy chồng, cụ B sống một mình nhưng bà vẫn ở gần chăm sóc, trông nom. Năm anh T là con trai bà được khoảng hơn 10 tuổi bà cho anh T sang ở cùng với cụ B cho đỡ buồn, tuy nhiên cơm nước, sinh hoạt hàng ngày của anh T và cụ B là do bà lo liệu. Năm 1999 anh T lấy vợ, sau khi lấy vợ thì anh T và vợ sinh sống cùng cụ B trên thửa đất không số tờ bản đồ số 03 một thời gian. Sau khi cụ B mất, anh T đi xuất khẩu lao động nên vợ và con Tảo về nhà đất của bà ở. Trước khi cụ B mất khoảng 02 tháng, do cảm thấy sức khỏe yếu nên cụ B gọi Ông Đ về để chăm sóc lúc cuối đời và lo hậu sự cho cụ B. Ông Đ ở cùng cụ B được khoảng 02 tháng thì cụ B mất, sau khi Ông Đ cùng bà lo hậu sự cho cụ B thì Ông Đ vào miền Nam làm ăn. Ông Đ chỉ về quê một đến hai lần trong năm, có năm không về, chìa khóa nhà và sổ đỏ của của cụ B bà đã giao cho Ông Đ cất giữ nên đến ngày rằm, mùng một ngày lễ tết, ngày giỗ của tổ tiên đều do anh T đứng lên lo liệu.

Sau khi cụ B chết, Ông Lê Hữu Đ đã tự ý làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất từ hộ bà Nguyễn Thị B sang Lê Hữu Đ đối với thửa đất không số, tờ bản đồ số 03, diện tích 756m², tại thôn T, xã G. Đồng thời làm thủ tục tách thửa, tặng cho con trai là Lê Hữu H, con gái là Lê Thị H mỗi người một thửa đất.

Tại biên bản hòa giải công khai chứng cứ lần cuối cùng và tại phiên tòa hôm nay Bà Nh đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc Ông Lê Hữu Đ phải trả lại cho bà và anh T thửa đất không số, tờ bản đồ số 03, diện tích 756m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R503434 cấp năm 2000 mang tên hộ bà Nguyễn Thị B.

Bà yêu cầu Ông Đ phải trả lại cho bà các tài sản là: 01 ngôi nhà 03 gian lợp ngói, bà tự tính giá trị làm mới ngôi nhà tại thời điểm hiện tại là 60.000.000đ; 01 căn nhà phụ 02 gian làm bếp ăn lợp ngói, bà tự tính giá trị làm mới căn nhà phụ làm bếp ăn tại thời điểm hiện tại là 5.000.000đ; 01 hòm cáng làm bằng gỗ, bà tự tính giá trị làm mới hiện tại là 30.000đ; 01 chiếc giường cánh quạt bằng gỗ bà tự tính giá trị làm mới ở thời điểm hiện tại là 1.000.000đ; 01 chiếc tủ thờ làm bằng gỗ, bà tự tính giá trị làm mới ở thời điểm hiện tại là 1.000.000đ. Do khối tài sản này đã bị Ông Đ phá bỏ, nên bà yêu cầu Ông Đ phải trả lại bà bằng tiền theo giá trị như bà đã kê khai ở trên.

Đối với một số cây cối lâm lộc cùng công trình tài sản trên đất do Ông Đ tạo lập nên theo như mô tả tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản của Tòa án, bà yêu cầu Ông Đ phải tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản công trình này để trả lại mặt bằng cho bà và anh T.

Bà xin rút yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN508298 mang tên Lê Hữu Đ; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN530404 mang tên Lê Thị H và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN530408 mang tên Lê Hữu H. Rút yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa đất không số, tờ bản đồ số 03, diện tích 756m², năm 2000 thửa đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R503434 mang tên hộ bà Nguyễn Thị B.

Ngoài ra bà không có bất cứ yêu cầu nào khác, các ý kiến, yêu cầu trình bày của bà khác với yêu cầu này bà xin được rút lại và bãi bỏ toàn bộ.

Đồng nguyên đơn trong vụ án là anh Nguyễn Bá T trình bày: Ông Đ là con đẻ của ông bà ngoại anh là cụ Nguyễn Đình Ng và cụ Nguyễn Thị B. Cụ B và cụ Ng sinh được 04 người con như lời trình bày của Bà Nh là đúng, ngoài ra hai cụ không có con nuôi hay con riêng nào khác. Ông L là liệt sỹ hy sinh năm nào anh không nhớ, Bà Nh đã không có mặt ở địa phương từ lâu, hiện nay địa chỉ rõ ràng cụ thể của Bà Nh như thế nào anh không biết. Anh chỉ được biết nơi cư trú cuối cùng của Bà Nh là ở thôn T, xã G, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

Anh có đơn khởi kiện cùng với Bà Nh, nhưng sau đó không được chấp nhận, Tòa án đã thụ lý yêu cầu khởi kiện của Bà Nh vào ngày 22/6/2021 theo Thông báo thụ lý vụ án số 44 ngày 22/6/2021. Tuy nhiên, sau đó anh và Bà Nh liên tục có đơn khiếu nại nhiều lần về việc thụ lý vụ án của Tòa án. Anh khẳng định anh và Bà Nh cùng là người đồng đứng tên trong đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ông Lê Hữu Đ phải trả lại anh và Bà Nh thửa đất không số, tờ bản đồ số 03, diện tích 756m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R503434 cấp năm 2000 mang tên hộ bà Nguyễn Thị B, đối với công trình, tài sản có trên đất, anh nhất trí với ý kiến của mẹ anh là buộc Ông Đ phải trả cho một mình mẹ anh. Hiện nay trên thửa đất không số, tờ bản đồ số 03 nêu trên có các công trình, tài sản gì mà Ông Đ xây dựng, tạo lập nên thì Ông Đ phải có trách nhiệm tháo dỡ, di dời toàn bộ công trình tài sản này để bàn giao mặt bằng đất trả lại cho anh và Bà Nh. Các tài sản, công trình, cây cối, hoa màu lâm lộc không phải của Ông Đ thì Ông Đ phải có trách nhiệm trả lại anh toàn bộ. Ngoài ra, anh T còn có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN508298 mang tên Lê Hữu Đ; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN530404 mang tên Lê Thị H và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN530408 mang tên Lê Hữu H. Nhưng sau đó anh đã có đơn và có ý kiến trình bày về việc rút toàn bộ các yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này.

Tại biên bản hòa giải công khai chứng cứ lần cuối cùng và tại phiên tòa hôm nay anh T trình bày, anh giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc Ông Lê Hữu Đ phải trả lại anh và Bà Nh thửa đất không số, tờ bản đồ số 03, diện tích 756m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R503434 cấp năm 2000 mang tên hộ bà Nguyễn Thị B và không có bất cứ yêu cầu nào khác. Anh không yêu cầu hủy các giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho Ông Lê Hữu Đ, Lê Hữu H và Lê Thị H. Không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề chia di sản thừa kế của cụ B.

Tại thời điểm cụ B lập di chúc chuyển quyền thừa kế cho anh thì công trình tài sản trên đất chỉ có 01 ngôi nhà tranh 03 gian nhà này do cụ B làm, làm từ năm nào anh không nhớ; có 01 gian bếp con cũng là trát vách đất và lợp mái dạ, do cụ B làm, làm năm nào anh không nhớ. Ngoài ra còn có hoa màu trên thửa đất là các cây chuối (bao nhiêu cây chuối anh không nhớ), một số đồ dùng cá nhân của cụ B như bát đĩa, nồi, xoong, giường chiếu, tấm, chén.....Hiện nay các công trình, tài sản này không còn nữa. Trên thửa đất những tài sản, công trình, cây cối, hoa màu, lâm lộc gì là của Ông Đ, những tài sản, công trình, cây cối, hoa màu, lâm lộc gì không phải là của Ông Đ thì anh không biết, vấn đề này Ông Đ tự biết, Ông Đ phải có trách nhiệm trình bày, kê khai với Tòa án. Anh T thừa nhận là anh, chị Thảo và cháu Hiền có sống trên thửa đất của cụ B khoảng 3-4 năm từ mốc thời gian 2000 đến 2003 hoặc 2004 anh không nhớ rõ.

Lý do Bà Nh, anh T yêu cầu Ông Đ phải trả lại cho bà và anh T toàn bộ thửa đất không số, tờ bản đồ số 03 diện tích 756m² tại thôn T nêu trên là vì khi cụ B còn sống vào năm 1998 cụ đã lập di chúc chuyển quyền thừa kế là đất và công trình, tài sản trên đất cho anh Nguyễn Bá T. Bản di chúc này được lập hoàn toàn hợp pháp, di chúc lập có người làm chứng, có xác nhận của UBND xã, tại thời điểm lập di chúc cụ B hoàn toàn khỏe mạnh, tinh táo và minh mẫn. Việc cụ B di chúc cho anh T đất đã xong từ thời điểm năm 1998, do vậy từ thời điểm 1998 đất và toàn bộ công trình, tài sản trên đất đã là của Bà Nh và anh T. Lý do Bà Nh yêu cầu Ông Đ phải trả lại bà công trình, tài sản trên đất là vì toàn bộ tài sản công trình này là do bà tạo lập nên để cho cụ B sử dụng, nên tài sản, công trình đó là của bà.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bị đơn là Ông Lê Hữu Đ trình bày:

Bố đẻ ông là cụ Nguyễn Đình Ng (mất năm nào ông không nhớ rõ), mẹ đẻ ông là cụ Nguyễn Thị B (mất năm 2011). Ông xác nhận bố mẹ đẻ ông sinh được 04 người con, năm sinh và hoàn cảnh từng người con như Bà Nh trình bày là đúng.

Bản thân ông ngay từ khi lọt lòng đã được bố mẹ cho đi làm con nuôi của một gia đình ở thôn N, xã L, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh. Do vậy, ông đã được đổi họ theo họ của bố mẹ nuôi là Lê Hữu Đ. Việc ông được người khác nhận làm con nuôi không có giấy tờ gì, không ra UBND xã để làm thủ tục nhận nuôi con nuôi theo quy định. Ngoài những người con như Bà Nh trình bày, bố mẹ ông không ai có con riêng, không có con nuôi hợp pháp nào khác.

Mặc dù ông được mẹ cho đi làm con nuôi, nhưng vẫn về chăm sóc, phụng dưỡng cụ B. Năm 2008 ông chuyển về T ở để chăm sóc, phụng dưỡng mẹ. Khi cụ B mất, ông là người đứng lên lo ma cho mẹ, cúng giỗ tết hàng năm, xây mộ cho cả bố và mẹ. Ông xác nhận và khẳng định thửa đất không số tờ bản đồ số 03, diện tích

756m², năm 2000 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R503434 là tài sản của cụ Nguyễn Thị B để lại. Trên thửa đất đó có 01 ngôi nhà ngói ba gian cấp 4 lợp ngói, xây vào năm nào ông không nhớ cụ thể, nhưng chắc chắn là xây vào khoảng cuối những năm 1990, ông chỉ nhớ được là nhà đã quá cũ. Đến khoảng 2010, khi ông về thăm cụ B ốm, nhà gần như sụp đổ, không còn sử dụng được, cụ B và các thành viên trong họ đã đồng ý cho ông phá đi xây lại. Hiện nay ông đã xây nhà lợp mái tôn, rộng 50m² trên nền ngôi nhà cũ của cụ B. Ngoài ra trên thửa đất còn có một bếp xây gạch tường 1, lợp prôximăng làm vào khoảng năm 2009, diện tích khoảng 02m², bếp lợp tạm, sơ sài, gác tre lợp prôximăng, bếp này đến 2010 do làm tạm sập xệ nên được sự đồng ý của cụ B và các thành viên trong họ ông đã phá nhà đi xây lại nhà lợp mái tôn luôn trên cả phần bếp này. Ông thừa nhận cụ B còn có một giường tre, một hòm cang bằng gỗ, đã mục nát không còn giá trị sử dụng, ông cũng không sử dụng được hòm gỗ, giường này của mẹ ông, tử thờ của cụ B như lời trình bày của Bà Nh ông không biết.

Sau khi cụ B mất, khoảng năm 2013, nhà nước có chủ trương chuyển đổi toàn bộ sổ đỏ sang sổ hồng, ông đã mang giấy tờ ra xã hỏi thủ tục, sau khi hỏi xong thủ tục, do có bản di chúc của mẹ ông, sổ hộ khẩu, giấy tờ ủy quyền của các thành viên trong họ cho ông thờ cúng liệt sỹ nên ông đã làm thủ tục chuyển nhượng từ đất của cụ B sang tên ông. Sau đó ông làm thủ tục tách một phần thửa đất cho con trai và con gái ông là Hà và Hạ mỗi người con của ông được sử dụng một thửa. Hiện nay ông là người sinh sống trên thửa đất có nguồn gốc của cụ B.

Ngoài ra Ông Đ còn trình bày: Năm 2006 cụ B có lập di chúc có sự chứng kiến của các ông trong họ với nội dung: “ Giao toàn bộ thửa đất không sổ, tờ bản đồ số 03, diện tích 756m², năm 2000 thửa đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R503434 cùng toàn bộ công trình, tài sản trên đất cho ông là Lê Hữu Đ”. Bản di chúc do anh Nguyễn Đình Sơn, sinh năm 1960 là cháu trong nội tộc viết, mẹ ông trực tiếp điểm chỉ vào bản di chúc, có sự chứng kiến anh Nguyễn Đình Kham, sinh năm 1960 là cháu trong họ nội tộc, anh Nguyễn Đình Luyện, sinh năm 1960 là anh trong họ của mẹ ông, có xác nhận của ông Nguyễn Đức Lâm là trưởng thôn. Khi lập di chúc, cụ B hoàn toàn minh mẫn, khỏe mạnh và tự nguyện.

Đối với yêu cầu của Bà Nh, anh T yêu cầu Tòa án giải quyết hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông, cháu Hạ và cháu Hà, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông phải trả đất cho anh T, Bà Nh, ông không nhất trí. Đất của cụ B đã làm thủ tục hợp pháp để chuyển sang tên ông, sau đó ông đã tặng cho con mỗi người một phần thửa đất nên Bà Nh, anh T không có bất cứ quyền hành gì đối với các thửa đất này. Đất không còn là di sản thừa kế của cụ B, nên ông cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế. Nếu Bà Nh, anh T có yêu cầu chia thừa kế đối với đất và tài sản công trình trên đất của mẹ ông để lại thì ông

cũng hoàn toàn bác bỏ. Ông Đ xác nhận bản di chúc ông xuất trình cho Tòa án là bản di chúc sau cùng, thể hiện đúng ý chí nguyện vọng của cụ B, đề nghị Tòa án xem xét đánh giá tính hợp pháp của bản di chúc này để không chấp nhận yêu cầu của anh T, Bà Nh. Việc Bà Nh trình bày có 01 ngôi nhà ba gian, 01 căn nhà phụ làm bếp, 01 hòm cang bằng gỗ, tủ thờ và 01 chiếc giường tre là đúng nhưng đặc điểm, giá trị, hiện trạng sử dụng các tài sản này là Bà Nh mô tả là không đúng. Mặt khác toàn bộ các tài sản này đều là tài sản của cụ B chứ không phải của Bà Nh, khi cụ B còn sống cụ B cũng xác nhận là như vậy. Ông không nhất trí với việc Bà Nh hay anh T yêu cầu ông phải trả lại số tài sản này hoặc phải trả bằng tiền vì thực chất tài sản này là của cụ B, đã hết giá trị khấu hao, hết giá trị sử dụng, ông không được sử dụng ngày nào. Khi phá nhà, bếp của cụ B thì lúc đó cụ B vẫn còn sống, cụ B và các ông trong họ đồng ý cho ông phá nhà cũ đi để xây nhà mới thì ông mới phá.

Hiện nay trên thửa đất có nguồn gốc của cụ B có một số cây cối, lâm lộc do ông trồng, quản lý và thu hoa lợi, lâm lộc; có 01 ngôi nhà do ông xây dựng lên; sân thềm, bể nước, xây tường bao, công trình phụ. Khi xây dựng nhà ông được nhà nước hỗ trợ 30 triệu, việc hỗ trợ số tiền này do ông thuộc hộ cận nghèo của xã nên được hỗ trợ chứ không phải hỗ trợ theo diện gia đình liệt sỹ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là UBND xã G, UBND huyện Gia Bình quá trình giải quyết vụ án có văn bản ý kiến: Về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 115, 116, 117, 118 tờ bản đồ số 21 tại thôn T, xã G, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh đảm bảo đúng quy định pháp luật. UBND xã G đề nghị Tòa án giải quyết đơn của công dân theo đúng quy định của pháp luật. UBND huyện Gia Bình đề nghị trong quá trình giải quyết vụ án nếu Tòa án qua xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ mà phát hiện có những tình tiết, sự kiện mới, đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Người đại diện hợp pháp của Văn phòng công chứng T trình bày:

Ngày 03/5/2013 Ông Lê Hữu Đ có đến văn phòng công chứng T để làm thủ tục công chứng văn bản nhận di sản. Theo các tài liệu Ông Đ giao nộp cho văn phòng và việc khai nhận của Ông Đ thì Ông Đ xác định là người thừa kế duy nhất của cụ Nguyễn Thị B. Việc khai nhận diện và hàng thừa kế của Ông Đ đã được văn phòng công chứng T làm thủ tục niêm yết theo đúng quy định của pháp luật tại UBND xã G, việc niêm yết không có ai thắc mắc, khiếu kiện gì. Do vậy, văn phòng công chứng đã làm thủ tục công chứng văn bản nhận di sản thừa kế theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi Ông Đ đã làm thủ tục và được đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ông Đ đã làm thủ tục tặng cho một phần thửa đất cho con trai là Lê Hữu H và con gái là Lê Thị H. Việc làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất tại Văn phòng công chứng T được thực hiện theo đúng pháp

luật. Liên quan đến các yêu cầu khởi kiện của các đương sự trong vụ án, Văn phòng công chứng đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết theo thẩm quyền.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Liên quan đến các ý kiến, yêu cầu khởi kiện của anh T và Bà Nh chị hoàn toàn nhất trí với ý kiến của anh T đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, chị không có ý kiến gì bổ sung, mọi ý kiến của anh T cũng là ý kiến của chị.

Người làm chứng là ông Nguyễn Đức Lâm trình bày:

Ngày 07/5/2006 Ông Đ có chở cụ B đến nhà ông và có đưa bản di chúc thừa kế đề ngày 07/5/2006 cho ông xem, Ông Đ và cụ B xin xác nhận của địa phương vào nội dung bản di chúc. Sau khi xem nội dung bản di chúc, được ông Đ khẳng định ông là người trực tiếp ký vào nội dung di chúc, cụ B khẳng định cụ là người trực tiếp điểm chỉ vào nội dung di chúc, nội dung di chúc đúng với ý chí, nguyện vọng của cụ B. Ông Lâm cũng có hỏi anh Khám và anh Luyện xem có ký tên vào bản di chúc không, anh Khám và anh Luyện xác nhận là có ký tên vào bản di chúc. Đồng thời qua thông tin kiểm tra được là đất thổ cư của bà Bằng cùng số m² diện tích đất tiếp giáp 04 mặt như trong di chúc là đúng nên ông đã thay mặt địa phương xác nhận vào nội dung di chúc của cụ B. Còn việc lập di chúc như thế nào, quá trình lập di chúc ra sao ông không được biết và chứng kiến. Ông xác nhận, hiện nay anh Sơn đã chết, anh Khám thì bị tai biến, không nhận thức và làm chủ hành vi được.

Người làm chứng là ông Nguyễn Đình Luyện trình bày:

Ngày 07/5/2006 ông được Ông Đ gọi xuống nhà Ông Đ chứng kiến vào bản di chúc của cụ B đề ngày 7/5/2006, ông có xuống tham gia, khi đó có cả anh Kham. Khi ông và anh Kham xuống nhà Ông Đ để chứng kiến thì bản di chúc đã được lập xong từ khi nào ông không biết, ông và anh Kham không trực tiếp chứng kiến việc anh Sơn viết di chúc hộ cụ B, không trực tiếp chứng kiến cụ B trực tiếp điểm chỉ vào nội dung bản di chúc. Bản di chúc đã có sẵn dấu vết điểm chỉ (theo Ông Đ, anh Sơn, cụ B nói là dấu vết điểm chỉ của cụ B), có sẵn chữ ký của Ông Đ. Ông Luyện và anh Kham chỉ viết họ tên mình vào phần trống của bản di chúc.

Người làm chứng là ông Nguyễn Đình Tuấn trình bày:

Ngày 10/01/1998 cụ B và Bà Nh có đến nhà ông Tuấn nhờ ông Tuấn viết hộ cụ B di chúc chuyển quyền thừa kế do cụ B không biết chữ. Ông Tuấn đã viết theo nội dung cụ B đọc. Thời điểm cụ B nhờ ông Tuấn viết di chúc, cụ B hoàn toàn khỏe mạnh, minh mẫn. Sau khi viết xong di chúc thì ông có đọc lại cho cụ B nghe, cụ B trực tiếp điểm chỉ vào bản di chúc trước mặt ông Tuấn sau đó Bà Nh là con gái cụ B cũng ký vào nội dung bản di chúc. Sau khi cụ B điểm chỉ, Bà Nh ký vào bản di chúc xong thì ông Tuấn đưa bản di chúc trả cụ B để cụ B giữ. Việc Bà Nh,

cụ B mang bản di chúc đi xin chữ ký của đại diện trong họ, xin xác nhận của địa phương như thế nào thì ông không được biết, không trực tiếp chứng kiến.

Người làm chứng là ông Trịnh Đình Lệnh trình bày:

Thời điểm năm 1998 ông là trưởng thôn T, ông không có quan hệ họ hàng gì với cụ B. Ngày 13/12/1997 âm lịch ông nhớ là Bà Nh có mang bản di chúc chuyển quyền thừa kế đề ngày 10/01/1998 đến gặp ông và trình bày là cụ B có lập di chúc chuyển quyền thừa kế cho cháu ngoại là anh Nguyễn Bá T, người viết di chúc hộ cụ B là ông Nguyễn Đình Tuấn. Sau khi xem bản di chúc thấy đúng là chữ ký của ông Đình, đồng thời có điểm chỉ của cụ B vào nội dung bản di chúc nên ông lúc đó là Trưởng thôn đã xác nhận vào nội dung bản di chúc do Bà Nh mang đến. Ông có hỏi ông Tuấn và được xác nhận là ông Tuấn có ký và viết bản di chúc hộ cụ B, cụ B có trực tiếp điểm chỉ vào bản di chúc. Ông hỏi Bà Nh, Bà Nh cũng xác nhận là Bà Nh có ký vào bản di chúc. Hỏi ông Đình, ông Đình cũng xác nhận là có được Bà Nh mang bản di chúc đến nhà xin chữ ký của ông Đình và ông Đình có ký. Sau khi xác nhận được các thông tin như vậy, ông mới viết và ký xác nhận của địa phương. Việc ông Tuấn viết di chúc hộ bà Bàng cũng như việc bà Bàng điểm chỉ vào bản di chúc, Bà Nh ký vào bản di chúc như thế nào, ai là người mang bản di chúc đến xin xác nhận chữ ký đại diện trong họ, mang bản di chúc ra xã xác nhận ông không biết và không trực tiếp chứng kiến.

Từ nội dung trên, bản án sơ thẩm căn cứ vào Điều 155, 158, 160, 161, 163, 164, 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 634, 636, 637, 638, 649, 650, 651, 652, 653, 655, 656, 657, 659, 660, 662, 670 Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 166, 167, 168, 169, 170, 203 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15; Điều 25, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Nh và anh Nguyễn Bá T về việc: Buộc Ông Lê Hữu Đ phải trả lại cho Bà Nguyễn Thị Nh và anh Nguyễn Bá T thửa đất không số, tờ bản đồ số 03, diện tích 756m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R503434 cấp năm 2000 mang tên hộ bà Nguyễn Thị B.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Nh về việc: Buộc Ông Lê Hữu Đ phải trả lại cho Bà Nh giá trị 01 ngôi nhà 03 gian lợp ngói; 01 căn nhà phụ 02 gian làm bếp ăn lợp ngói; 01 hòm cáng làm bằng gỗ; 01 chiếc giường cánh quạt bằng gỗ; 01 chiếc tủ thờ làm bằng gỗ.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Nh và anh Nguyễn Bá T về việc buộc Ông Lê Hữu Đ phải tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản, công trình, cây cối lâm lộc trên thửa đất không số, tờ bản đồ số 03 diện tích 756m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R503434 cấp năm 2000 mang tên hộ bà Nguyễn Thị B để trả lại cho Bà Nh, anh T mặt bằng thửa đất nêu trên.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu của anh Nguyễn Bá T và Bà Nguyễn Thị Nh về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN508298 mang tên Lê Hữu Đ; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN530404 mang tên Lê Thị H và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 530408 mang tên Lê Hữu H.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu của anh Nguyễn Bá T về việc buộc Ông Lê Hữu Đ phải trả anh Nguyễn Bá T công trình tài sản trên thửa đất không số, tờ bản đồ số 03, diện tích 756m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R503434 cấp năm 2000 mang tên hộ bà Nguyễn Thị B

Đình chỉ yêu cầu chia thừa kế của Bà Nguyễn Thị Nh đối với thửa đất không số, tờ bản đồ số 03, diện tích 756m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R503434 cấp năm 2000 mang tên hộ bà Nguyễn Thị B cùng toàn bộ công trình, tài sản trên đất.

Ngoài ra, bản án còn tuyên các đương sự phải chịu án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/5/2022, Bà Nguyễn Thị Nh, anh Nguyễn Bá T, Chị Nguyễn Thị Th kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Cung Văn Thám là người đại diện theo ủy quyền của Bà Nh trình bày tự nguyện rút đơn khởi kiện và đơn kháng cáo, nguyên đơn là anh Nguyễn Bá T; Người đại diện theo ủy quyền của chị Thảo trình bày, tranh luận giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Bị đơn là Ông Lê Hữu Đ trình bày, đồng ý với ý kiến rút đơn khởi kiện và đơn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của Bà Nh, đồng thời, trình bày, tranh luận đề nghị Toà án không chấp nhận kháng cáo của anh T, chị Thảo, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án là đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án:

- Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Bá T và Chị Nguyễn Thị Th.
- Chấp nhận việc rút đơn khởi kiện và rút đơn kháng cáo của Bà Nguyễn Thị Nh.

Áp dụng khoản 1 Điều 308, điểm b khoản 1 Điều 299, Điều 148 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

- Hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Nh. Bà Nh có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật.

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 18/2022/DSST ngày 20/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Gia Bình về việc giải quyết nội dung yêu cầu khởi kiện của anh T.

- Về án phí: Bà Nh không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm (do là người cao tuổi). Anh T và chị Thảo phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

1. Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của Bà Nguyễn Thị Nh, anh Nguyễn Bá T và Chị Nguyễn Thị Th nộp trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

2. Xét kháng cáo của Bà Nguyễn Thị Nh, anh Nguyễn Bá T, Chị Nguyễn Thị Th thì thấy: Bà Nh, anh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ông Lê Hữu Đ phải trả lại cho Bà Nh và anh T thửa đất không sổ, tờ bản đồ số 03, diện tích 756m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R503434 cấp năm 2000 mang tên hộ bà Nguyễn Thị B. Buộc Ông Đ phải di dời toàn bộ cây cối lâm lộc cùng công trình tài sản do Ông Đ tạo lập nên để trả lại mặt bằng thửa đất cho Bà Nh và anh T. Lý do Bà Nh, anh T yêu cầu khởi kiện buộc Ông Đ phải trả lại Bà Nh anh T thửa đất nêu trên là do năm 1998 thửa đất này đã được cụ B lập di chúc chuyển quyền thừa kế đất thừa kế toàn bộ đất và công trình tài sản trên đất cho anh T. Bản án sơ thẩm xử bác đơn khởi kiện của nguyên đơn, không đồng ý với bản án sơ thẩm, Bà Nh, anh T và chị Thảo kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và đề nghị huỷ bản án sơ thẩm để xét xử lại.

[1]. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc Ông Lê Hữu Đ trả lại cho Bà Nh, anh T thửa đất không sổ, tờ bản đồ số 03, diện tích 756m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R503434 cấp năm 2000 mang tên hộ bà Nguyễn Thị B. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà Bàng đang sống một mình, các đương sự thừa nhận tài sản là thửa đất tờ bản đồ số 03, diện tích 756m² là do cụ B tạo lập trong quá trình sinh sống nên xác định thửa đất không sổ, tờ bản đồ số 03, diện tích 756m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R503434 cấp năm 2000 mang tên hộ bà Nguyễn Thị B là tài sản riêng của cụ B.

Thời điểm cụ B chết tồn tại hai bản di chúc: bản di chúc lập ngày 10/01/1998, nội dung bản di chúc chuyển quyền thừa kế toàn bộ đất, tài sản trên đất cho anh T và bản di chúc lập ngày 07/5/2006, nội dung bản di chúc chuyển quyền thừa kế toàn bộ đất, tài sản trên đất cho Ông Đ.

Xem xét tính hợp pháp của hai bản di chúc:

+ *Đối bản di chúc năm 1998.* Theo lời khai của những người liên quan trong bản di chúc, xác định ông Tuấn là người viết di chúc do cụ B không biết chữ. Khi viết di chúc có Bà Nh (là con gái cụ B) làm chứng, sau khi viết xong thì Bà Nh ký, cụ B điềm chỉ rồi mới mang di chúc đi xin chữ ký của người đại diện trong họ với tư cách là người làm chứng, xin xác nhận của chính quyền địa phương.

Về mặt hình thức: Di chúc lập không đúng quy định của pháp luật, thể hiện ở chỗ: Cụ B không thể tự mình viết bản di chúc, thì có thể nhờ người khác viết, nhưng việc cụ B điểm chỉ vào bản di chúc mà không điểm chỉ trước mặt ít nhất hai người làm chứng; Bà Nh là người thừa kế của cụ B không được là người làm chứng; ông Đình, ông Lệnh chỉ là người ký vào nội dung bản di chúc đã lập từ trước đó, không trực tiếp chứng kiến quá trình lập di chúc; di chúc gồm nhiều trang, nhưng mỗi trang không được đánh số thứ tự và trang đầu không có điểm chỉ của người lập di chúc.

Về nội dung: Bản di chúc chỉ nêu là “*Thừa kế cho cháu ngoại là Nguyễn Bá Tảo con trai thứ hai của cháu Nhung gồm: Toàn bộ diện tích đất ở, vườn tược lâm lộc, chuối chăn, nhà ngói ba gian, 01 bếp tranh, trong nhà có 01 hòm gỗ, 1 giường tre*”. Như vậy là đã không ghi rõ ràng di sản để lại và nơi có di sản;

Từ những phân tích trên, căn cứ vào các quy định tại Điều 655, 656, 657, 658 và 659 Bộ luật dân sự năm 1995 thì bản di chúc lập năm 1998 của cụ B vi phạm các điều kiện được coi là di chúc hợp pháp.

Mặt khác, năm 1998 cụ B lập di chúc chuyển quyền thừa kế đất và tài sản trên đất cho anh T. Tuy nhiên đến năm 2000, Nhà nước có chủ trương làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân, nhưng cụ B vẫn đi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ. Điều này thể hiện ý chí của cụ B về việc định đoạt thừa đất có sự thay đổi lần thứ nhất. Anh T, Bà Nh biết thừa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ B nhưng không có ý kiến gì.

+ *Đối với bản di chúc năm 2006*: Năm 2006 cụ B lập bản di chúc với nội dung thay đổi thừa kế cho Ông Đ được quyền sử dụng toàn bộ thừa đất không số, tờ bản đồ số 03, diện tích 756m² tại thôn T, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2000 cho hộ bà Nguyễn Thị Bùng toàn bộ công trình, tài sản trên đất. Theo lời khai của một số người có tên trong bản di chúc lập năm 2006, hiện nay anh Sơn là người viết di chúc đã chết, anh Kham là người ký vào bản di chúc bị tai biến, nhận thức và làm chủ hành vi hạn chế nên không lấy được lời khai. Anh Luyện trình bày anh và anh Kham tuy có ký xác nhận vào bản di chúc nhưng không trực tiếp chứng kiến việc anh Sơn viết di chúc hộ cụ B như thế nào, không trực tiếp chứng kiến cụ B điểm chỉ vào nội dung bản di chúc, khi anh Luyện, anh Sơn ký vào nội dung bản di chúc thì di chúc đã được lập sẵn từ trước. Mặc dù bản di chúc lập năm 2006 có một số nội dung không đúng quy định pháp luật nhưng cũng đã thể hiện ý chí của cụ B về khối tài sản để lại là thừa đất không số tờ bản đồ số 03 diện tích 756m² tại thôn T, xã G cùng một số công trình, tài sản trên đất đã có sự thay đổi.

Do vậy, không có cơ sở để xác định thừa đất không số, tờ bản đồ số 03, diện tích 756m² tại thôn T, xã G cùng một số công trình, tài sản trên đất thuộc quyền sở

hữu, sử dụng của anh T, Bà Nh theo nội dung bản di chúc của cụ B lập năm 1998. Yêu cầu khởi kiện của Bà Nh, anh T về việc buộc Ông Đ phải trả lại Bà Nh, anh T toàn bộ thửa đất không số, tờ bản đồ số 03 nêu trên là không có cơ sở chấp nhận. Việc bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Nh và anh Nguyễn Bá T về việc: Buộc Ông Lê Hữu Đ phải trả lại cho Bà Nguyễn Thị Nh và anh Nguyễn Bá T thửa đất không số, tờ bản đồ số 03, diện tích 756m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R503434 cấp năm 2000 mang tên hộ bà Nguyễn Thị Blà có căn cứ.

[2]. Đối với yêu cầu của Bà Nh, buộc Ông Đ phải trả lại cho bà giá trị các tài sản là 01 ngôi nhà 03 gian lợp ngói; 01 căn nhà phụ 02 gian làm bếp ăn lợp ngói; 01 hòm cáng làm bằng gỗ; 01 chiếc giường cánh quạt bằng gỗ; 01 chiếc tủ thờ làm bằng gỗ. Xét yêu cầu này của Bà Nh thì thấy: Tại thời điểm cụ B còn sống có hai lần cụ B thể hiện ý chí công trình, tài sản trên đất là của cụ. Do bản di chúc năm 1998 và 2006 đều có nêu nhà ở, bếp, giường, tủ công trình tài sản trên đất là của cụ B, cụ di chúc để lại cho anh T (năm 1998) và di chúc để lại cho Ông Đ (năm 2006). Hiện tại toàn bộ tài sản nêu trên đều đã không còn, Ông Đ không thực tế sử dụng, khi Ông Đ phá nhà ở, nhà bếp, một số tài sản khác để làm nhà mới, công trình mới như hiện nay, cụ B còn sống và đồng ý cho Ông Đ làm, Bà Nh, anh T và các thành viên trong họ đều biết và không có ý kiến phản đối. Bà Nh cho rằng nhà ngói, nhà bếp, hòm gỗ, giường tre, tủ là của bà sắm sửa cho cụ B nên Bà Nh buộc Ông Đ phải trả, nhưng Bà Nh không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh có phải là tài sản của Bà Nh hay không. Do vậy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi công trình, tài sản trên đất của Bà Nh. Việc bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Nh về việc: Buộc Ông Lê Hữu Đ phải trả lại cho Bà Nh giá trị 01 ngôi nhà 03 gian lợp ngói; 01 căn nhà phụ 02 gian làm bếp ăn lợp ngói; 01 hòm cáng làm bằng gỗ; 01 chiếc giường cánh quạt bằng gỗ; 01 chiếc tủ thờ làm bằng gỗ là có căn cứ.

[3]. Để đảm bảo giải quyết triệt để vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm giải thích cho Bà Nh, anh T, Ông Đ về các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, trong đó có quyền được đề nghị tòa án giải quyết yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ B theo di chúc hoặc theo pháp luật. Tuy nhiên, Bà Nh, anh T khẳng định không yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết chia di sản thừa kế của cụ B để lại, không yêu cầu Tòa án giải quyết hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho Lê Hữu Đ, Lê Hữu H và Lê Thị H. Trong quá trình giải quyết vụ án Bà Nh, anh T liên tục gửi đơn khiếu nại, tố cáo tới các cơ quan liên quan về việc Tòa án đã thụ lý yêu cầu chia di sản thừa kế và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Để đảm bảo và tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự, trên cơ sở có đơn xin rút yêu cầu của anh T, Bà Nh, cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu chia di sản thừa kế và yêu cầu

hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Bà Nh là ông Cung Văn Thám rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của Bà Nh, phía Ông Lê Hữu Đ đồng ý với việc rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của Bà Nh, xét thấy, đây là sự tự nguyện của các đương sự không trái pháp luật và đạo đức xã hội, do đó, cần hủy phần bản án sơ thẩm liên quan đến yêu cầu khởi kiện của Bà Nh và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của Bà Nh.

Đối với kháng cáo của anh Nguyễn Bá T, Chị Nguyễn Thị Th như phân tích tại [1], [2], [3] và trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa, anh T, chị Thảo kháng cáo nhưng không đưa được ra tài liệu, chứng cứ chứng minh nào mới cho yêu cầu kháng cáo của mình, do vậy, cần bác kháng cáo của anh Nguyễn Bá T và Chị Nguyễn Thị Th.

[4]. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Bà Nh trên 60 tuổi nên theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì thuộc trường hợp miễn án phí nên Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí dân sự Bà Nh.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 155, 158, 160, 161, 163, 164, 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 634, 636, 637, 638, 649, 650, 651, 652, 653, 655, 656, 657, 659, 660, 662, 670 Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 166, 167, 168, 169, 170, 203 Luật đất đai năm 2013 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Hủy một phần bản án dân sự số 18/2022/DSST ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Gia Bình đối với yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Nh và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của Bà Nguyễn Thị Nh.

2. Không chấp nhận kháng cáo đối với yêu cầu của anh Nguyễn Bá T và Chị Nguyễn Thị Th. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 18/2022/DSST ngày 20/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Gia Bình đối với yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Bá T. Cụ thể:

2.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Bá T về việc: Buộc Ông Lê Hữu Đ phải trả lại cho anh Nguyễn Bá T thửa đất không số, tờ bản đồ số 03, diện tích 756m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R503434 cấp năm 2000 mang tên hộ bà Nguyễn Thị B.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Bá T về việc buộc Ông Lê Hữu Đ phải tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản, công trình, cây cối lâm lộc trên thửa đất không số, tờ bản đồ số 03 diện tích 756m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R503434 cấp năm 2000 mang tên hộ bà Nguyễn Thị Bể trả lại cho anh T mặt bằng thửa đất nêu trên.

2.3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của anh Nguyễn Bá T về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 508298 mang tên Lê Hữu Đ; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 530404 mang tên Lê Thị H và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN530408 mang tên Lê Hữu H.

2.4. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của anh Nguyễn Bá T về việc buộc Ông Lê Hữu Đ phải trả anh Nguyễn Bá T công trình tài sản trên thửa đất không số, tờ bản đồ số 03, diện tích 756m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R503434 cấp năm 2000 mang tên hộ bà Nguyễn Thị B.

2.5. Về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

- Án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm cho Bà Nguyễn Thị Nh.

Anh Nguyễn Bá T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số AA/2021/0006989 ngày 09/6/2022 và 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số AA/2021/0006816 ngày 18/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Bình (anh T đã nộp đủ).

Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số AA/2021/0006990 ngày 09/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Bình (chị Thảo đã nộp đủ).

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà Nguyễn Thị Nh và anh Nguyễn Bá T phải chịu 7.000.000đ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản (xác nhận đã nộp đủ).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND huyện Gia Bình;
- Chi cục THADS huyện Gia Bình;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thanh Bình